

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/DS-ST

Ngày: 26/4/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mười;

2. Bà Phạm Thị Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19^a/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V, (Có mặt).

Địa chỉ: đường H, phường H, quận Đ, TP Hà Nội.

Do ông Lê Văn D - Chủ tịch Hội đồng quản trị - là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Theo văn bản ủy quyền số: 29/2017/UQ-CT ngày 22/6/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho ông Lê Hiền T – Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng An ninh và phòng Kiểm soát gian lận - Trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng Ngân hàng Thương mại cổ phần V đại diện.

Địa chỉ: đường N, phường B, quận X, TPHCM.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Dương Hồng H, sinh năm: 1990

Địa chỉ: đường M, phường Y, Tp V, tỉnh Vĩnh Long.

(Theo văn bản ủy quyền không số và ngày, tháng, năm 2017).

2. Bị đơn: 1. Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm: 1974, (Vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm: 1970. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Dương Hồng H trình bày:

Ngày 19/9/2014, bà Phạm Thị Thu V có ký hợp đồng tín dụng số 20140919-115018-0001 với Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi là Ngân hàng) vay số tiền 26.827.500 đồng với lãi suất vay 5,15%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng bà V có trách nhiệm thanh toán số tiền cả vốn và lãi là 39.163.000 đồng, trả chậm trong 15 tháng. 14 tháng đầu mỗi tháng trả 2.611.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.609.000 đồng, thanh toán vào ngày 19 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 19/10/2014 đến ngày 19/12/2015 là hết thời hạn vay.

Bà V đã nhận đủ số tiền vay nêu trên và thanh toán cho Ngân hàng hai lần với số tiền 7.611.000 đồng. Từ ngày 25/12/2015, bà V không thanh toán khoản tiền nào cho Ngân hàng, Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bà V không thực hiện.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V, ông Q trả toàn bộ số tiền nợ đến hạn là 31.552.000 đồng, trong đó: tiền vốn là 21.916.421 đồng, tiền lãi tính đến ngày 19/12/2015 là 9.635.579 đồng. Ngân hàng không yêu cầu tính lãi quá hạn đến ngày xét xử.

Bà V vay số tiền nêu trên để mua xe trả góp hiệu Nouvo tại cửa hàng H tại Tp B. Giá xe tại thời điểm bà V mua là 36.500.000 đồng, bà V đã trả cho cửa hàng H 12.000.000 đồng số tiền còn thiếu bà V vay của Ngân hàng là 26.827.500 đồng. Số tiền này bà V không nhận trực tiếp từ Ngân hàng mà do Ngân hàng chuyển tiền cho cửa hàng xe máy H để trả tiền mua xe cho bà V. Ngày 19/9/2014, bà V đã ký hợp đồng thế chấp tài sản là chiếc xe máy hiệu Nouvo màu sơn xanh, biển số xe anh H không nhớ, cho Ngân hàng nên giấy đăng ký xe này hiện nay Ngân hàng đang giữ. Bà V là người đứng tên trong giấy đăng ký xe. Khi bà V trả xong nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng sẽ trả giấy đăng ký xe cho bà V.

Bà V là người ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng, ông Q là chồng bà V và cũng biết việc bà V vay tiền nên Ngân hàng yêu cầu ông Q có trách nhiệm liên đới với bà V trả cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên và trả một lần không đồng ý cho bà V, ông Q trả dần.

Tại bản tự khai ngày 26/02/2018 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị Thu V trình bày:

Bà V thống nhất với lời trình bày của anh H là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng về khoản vay, mục đích vay, thời gian vay và cách thức trả nợ. Bà V thừa nhận còn nợ của Ngân hàng số tiền 31.552.000 đồng như anh H đã nêu. Khi bà vay số tiền này của Ngân hàng ông Q, chồng bà, biết và đồng ý có trách nhiệm liên

đổi cùng bà trả số nợ nêu trên cho Ngân hàng. Hiện nay vợ chồng bà đang gặp khó khăn về tài chính nên yêu cầu Ngân hàng cho bà trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Còn về giấy đăng ký xe của bà Ngân hàng đang giữ bà không có yêu cầu gì. Hiện nay chiếc xe Nouvo bà thế chấp cho Ngân hàng đã bị mất.

Tại phiên hòa giải ngày 26/02/2018, giữa bà V và Ngân hàng thỏa thuận đến ngày 20/3/2018 bà V trả cho Ngân hàng số tiền 15.000.000 đồng Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với bà V, ông Q. Tuy nhiên, do bà đang khó khăn nên chưa trả được cho Ngân hàng số tiền như đã thỏa thuận. Bà V yêu cầu cho bà trả trước 3.000.000 đồng đến ngày 29/3/2018 bà sẽ chuyển trả cho Ngân hàng số tiền 12.000.000 đồng để Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện.

Theo bà V, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà V có nhận thay cho ông Q nhưng do ông Q đi làm ăn xa, bận công việc nên không đến tham dự theo thông báo của Tòa án được.

Tại phiên tòa, anh H đại diện cho Ngân hàng thừa nhận bà V đã trả cho Ngân hàng số tiền là 5.000.000 đồng nên Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nêu trên. Từ ngày 29/3/2018 đến nay bà V không trả cho Ngân hàng số tiền nào nữa, bà V hứa nhiều lần nhưng không trả được tiền nợ nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

Mặc dù Ngân hàng và bà V có ký hợp đồng thế chấp chiếc xe Nouvo như trình bày trên đây nhưng Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng thế chấp này. Ngân hàng chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V, ông Q trả số tiền nợ còn lại là 26.552.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết trường hợp bà V, ông Q không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe Nouvo để thu hồi nợ.

Ngân hàng yêu cầu bà V, ông Q trả cho Ngân hàng số tiền là 26.552.000 đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày 19/12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm cũng không yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 26/12/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Thu V, ông Nguyễn Thanh Q trả toàn bộ số tiền nợ đến hạn là 31.552.000 đồng, trong đó: tiền vốn là 21.916.421 đồng, tiền lãi tính đến ngày 19/12/2015 là 9.635.579 đồng. Ngân hàng không yêu cầu tính lãi quá hạn đến ngày xét xử. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, vụ án có quan hệ pháp

luật tranh chấp về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị Thu V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Ông Nguyễn Thanh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa hôm nay. Tòa án nhân dân huyện C xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bà V trả cho Ngân hàng số tiền 26.552.000 đồng:*

Theo Ngân hàng V: ngày 19/9/2014, bà Phạm Thị Thu V có ký hợp đồng tín dụng số 20140919-115018-0001 với Ngân hàng vay số tiền 26.827.500 đồng với lãi suất vay 5,15%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng bà V có trách nhiệm thanh toán số tiền cả vốn và lãi là 39.163.000 đồng trả chậm trong 15 tháng. 14 tháng đầu mỗi tháng trả 2.611.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.609.000 đồng, thanh toán vào ngày 19 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 19/10/2014 đến ngày 19/12/2015 là hết thời hạn vay. Bà V đã thanh toán cho Ngân hàng hai lần với số tiền 7.611.000 đồng. Từ ngày 25/12/2015, bà V không thanh toán khoản tiền nào cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên có căn cứ xác định bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bà V trả toàn bộ số tiền nợ đến hạn là 26.552.000 đồng, trong đó: tiền vốn là 16.916.421 đồng, tiền lãi tính đến ngày 19/12/2015 là 9.635.579 đồng. Ngân hàng không yêu cầu tính lãi quá hạn đến ngày xét xử. Xét thấy, tại Biên bản hòa giải ngày 26/02/2018, bà V thừa nhận có nợ của Ngân hàng số tiền 31.552.000 đồng và những lời trên đây của anh H, đại diện cho Ngân hàng, là đúng. Tại phiên tòa, anh H đại diện cho Ngân hàng xác nhận ngày 20/3/2018 bà V đã trả cho Ngân hàng số tiền 3.030.000 đồng. Ngày 31/3/2018, bà V trả cho Ngân hàng 1.970.000 đồng nên số tiền bà V còn nợ của Ngân hàng là 26.552.000 đồng. Lời thừa nhận của bà V có cơ sở xác định bà V còn nợ của Ngân hàng số tiền nợ nêu trên mà Ngân hàng không cần phải chứng minh. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Ngân hàng chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V, ông Q trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi đến ngày 19/12/2015 là 26.552.000 đồng mà không yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 19/12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm cũng như đến khi bà V, ông Q trả hết nợ cho Ngân hàng. Do Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Đối với yêu cầu ông Q, chồng bà V, có trách nhiệm liên đới cùng bà V trả số tiền nợ trên cho Ngân hàng:

Tại Biên bản hòa giải ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bà V xác nhận, việc vay tiền của Ngân hàng ông Q có biết và đồng ý cùng bà trả số nợ trên cho Ngân hàng. Mặt khác, bà V cũng đã xác nhận các Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án bà V nhận thay cho ông Q bà đã giao cho ông Q nhưng do bận công việc nên ông Q không tham dự phiên họp, phiên hòa giải theo thông báo của Tòa án. Như vậy có căn cứ xác định ông Q biết việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ trên nhưng đến nay Tòa án cũng không nhận được ý kiến phản đối của ông Q về vấn đề này. Ngoài ra, ông Q và bà V là vợ chồng nên cần buộc ông Q phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà V trả cho Ngân hàng số tiền nợ trên đây là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc giữa Ngân hàng và bà V có ký hợp đồng thế chấp chiếc xe Nouvo để đảm bảo trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên, tại phiên tòa anh H xác định việc Ngân hàng giữ giấy đăng ký xe Nouvo của bà V chỉ để làm tin chứ không phải để đảm bảo trả nợ, vì khi Ngân hàng cho bà V vay là vay tín chấp với mục đích tiêu dùng. Mặt khác theo lời trình bày của bà V chiếc xe bà V thế chấp cho Ngân hàng đã bị mất nhưng Ngân hàng cũng không xác minh hiện nay chiếc xe Nouvo thế chấp có bị mất hay không. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe Nouvo khi bà V, ông Q không trả được nợ thì phát mãi để thu hồi nợ. Do Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 5.000.000 đồng do bà V đã trả một phần nợ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nêu trên phù hợp với quy định tại điểm g khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà V, ông Q phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.328.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Phạm Thị Thu V và ông Nguyễn Thanh Q có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V. Theo văn bản ủy quyền số: 29/2017/UQ-CT ngày 22/6/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho ông Lê Hiền T – Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng An ninh và phòng Kiểm soát gian lận - Trung tâm thu hồi nợ - Khôi tín dụng tiêu dùng Ngân hàng Thương mại cổ phần V đại diện, số tiền là 26.552.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng). Trong đó: tiền vốn là 16.916.421đ (Mười sáu triệu chín trăm mười sáu ngàn bốn trăm hai mươi một đồng), tiền lãi là 9.635.579đ (Chín triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bà Phạm Thị Thu V và ông Nguyễn Thanh Q trả số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) của Ngân hàng Thương mại cổ phần V. Theo văn bản ủy quyền số: 29/2017/UQ-CT ngày 22/6/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho ông Lê Hiền T – Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng An ninh và phòng Kiểm soát gian lận - Trung tâm thu hồi nợ - Khôi tín dụng tiêu dùng Ngân hàng Thương mại cổ phần V đại diện, do rút yêu cầu.

3. Về án phí: bà Phạm Thị Thu V và ông Nguyễn Thanh Q có trách nhiệm liên đới phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.328.000đ (Một triệu ba trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, theo văn bản ủy quyền số: 29/2017/UQ-CT ngày 22/6/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho ông Lê Hiền T – Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng An ninh và phòng Kiểm soát gian lận - Trung tâm thu hồi nợ - Khôi tín dụng tiêu dùng Ngân hàng Thương mại cổ phần V đại diện, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 789.000đ (Bảy trăm tám mươi chín ngàn đồng) theo biên lai số 0013366 ngày 27/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Thu V và ông Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện C;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung

